

SỞ GD - ĐT VĨNH PHÚC
THPT VĂN QUÁN

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI
BÀI THI: TOÁN

(Gồm có 10 trang)

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM 4 PHƯƠNG ÁN. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Trong các hàm số $y = \sin x, y = \cos x, y = \tan x, y = \cot x$ có bao nhiêu hàm số mà đồ thị của chúng đối xứng qua trục tung ?

- (A) 1. (B) 3. (C) 2. (D) 4.

Lời giải.

- Đồ thị hàm số chẵn nhận trục tung làm trục đối xứng.
- Đồ thị hàm số lẻ nhận gốc tọa độ làm tâm đối xứng.

Vậy có một hàm số $y = \cos x$ thỏa mãn.

Chọn đáp án (A) □

Câu 2. Trong các dãy số cho bởi công thức truy hồi sau, dãy số nào là cấp số nhân?

- (A) $u_1 = -1, u_{n+1} = u_n - 2.$ (B) $u_1 = -1, u_{n+1} = 2u_n.$
(C) $u_1 = -1, u_{n+1} = u_n + 2.$ (D) $u_1 = -1, u_{n+1} = u_n^2.$

Lời giải.

Dãy số (u_n) thỏa $u_1 = -1, u_{n+1} = 2u_n$ có $\frac{u_{n+1}}{u_n} = \frac{2u_n}{u_n} = 2$ với mọi $n \in \mathbb{N}^*$ nên là một cấp số nhân.

Chọn đáp án (B) □

Câu 3. Trong các hàm số sau đây, hàm nào là hàm số mũ?

- (A) $y = 3x^5.$ (B) $y = \sqrt{2}^x.$ (C) $y = x^4.$ (D) $y = 6^{\frac{1}{3}}.$

Lời giải.

Hàm $y = \sqrt{2}^x$ là hàm số mũ.

Chọn đáp án (B) □

Câu 4. Cho hàm số $y = f(x)$ có bảng biến thiên như sau

x	$-\infty$	-1	0	1	$+\infty$			
$f'(x)$		$+$	0	$-$	0	$+$	0	$-$
$f(x)$			2		2			
	$-\infty$			1				$-\infty$

Hàm số đã cho đồng biến trên khoảng nào dưới đây?

A $(-1; 1)$.

B $(0; 1)$.

C $(1; +\infty)$.

D $(-1; 0)$.

Lời giải.

Dựa vào bảng biến thiên, ta thấy $f'(x) > 0$ trên các khoảng $(-\infty; -1)$ và $(0; 1)$.

Do đó hàm số đồng biến trên khoảng $(0; 1)$.

Chọn đáp án **B** \square

Câu 5. Cho hàm số $f(x)$ xác định trên $\mathbb{R} \setminus \left\{-\frac{1}{2}\right\}$, liên tục trên mỗi khoảng xác định và có bảng biến thiên như sau

x	$-\infty$	$-\frac{1}{2}$	$+\infty$
y'		+	+
y	2	$+\infty$	$-\infty$

Tiệm cận đứng của đồ thị hàm số là đường thẳng có phương trình

A $y = 2$.

B $x = 2$.

C $y = -\frac{1}{2}$.

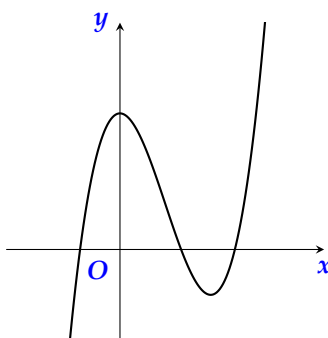
D $x = -\frac{1}{2}$.

Lời giải.

Theo định nghĩa, ta có $\lim_{x \rightarrow (-\frac{1}{2})^-} y = +\infty$, $\lim_{x \rightarrow (-\frac{1}{2})^+} y = -\infty$ nên đồ thị hàm số có tiệm cận đứng là $x = -\frac{1}{2}$.

Chọn đáp án **D** \square

Câu 6. Cho đồ thị hàm số $y = f(x)$ có hình vẽ dưới đây và có tập xác định trên \mathbb{R} . Mệnh nào sau đây là đúng?



A Đồ thị hàm số đã cho có ba điểm cực trị.

B Hàm số đã cho đồng biến trên \mathbb{R} .

C Hàm số đã cho không có giá trị lớn nhất và nhỏ nhất.

D Đồ thị hàm số đã cho là hàm số $y = \frac{2x^2 - 1}{x + 1}$.

Lời giải.

Dựa vào đồ thị, ta có:

- ☒ Đồ thị hàm số đã cho có ba điểm cực trị. **SAI**.
- ☒ Hàm số đã cho đồng biến trên \mathbb{R} . **SAI**.
- ☒ Hàm số đã cho không có giá trị lớn nhất và nhỏ nhất. **ĐÚNG**.
- ☒ Đồ thị hàm số đã cho là hàm số $y = \frac{2x^2 - 1}{x + 1}$. **SAI**.

Chọn đáp án **C** ☐

Câu 7. Trong không gian $Oxyz$, cho hai véc-tơ $\vec{a} = (-2; 5; 3)$, $\vec{b} = (1; -3; 1)$. Khi đó $\vec{a} + \vec{b}$ bằng
A $(-3; 8; 2)$. **B** $(-1; 2; 4)$. **C** $(5; -1; 0)$. **D** $(7; 5; -2)$.

Lời giải.

Ta có $\vec{a} + \vec{b} = (-2 + 1; 5 - 3; 3 + 1) = (-1; 2; 4)$.

Chọn đáp án **B** ☐

Câu 8. Khảo sát cân nặng của 30 bạn học sinh (đơn vị: kilogam), ta có bảng tần số ghép nhóm:

Cân nặng (kg)	[15; 20)	[20; 25)	[25; 30)	[30; 35)	[35; 40)	[40; 45)	[45; 50)	[50; 55)
Số học sinh	1	0	0	1	10	17	0	1

Khoảng biến thiên của mẫu số liệu trên là

- A** 16. **B** 45. **C** 35. **D** 40.

Lời giải.

Khoảng biến thiên của mẫu số liệu trên là $R = 55 - 15 = 40$.

Chọn đáp án **D** ☐

Câu 9. Cho $F(x)$ là nguyên hàm của hàm số $f(x) = \sin\left(\frac{\pi}{2} - x\right)$. Khi đó $F'(x)$ bằng
A $\cos\left(\frac{\pi}{2} - x\right)$. **B** $\sin x$. **C** $-\cos\left(\frac{\pi}{2} - x\right)$. **D** $\cos x$.

Lời giải.

Vì $F(x)$ là một nguyên hàm của hàm số $f(x)$ nên $F'(x) = f(x) = \sin\left(\frac{\pi}{2} - x\right) = \cos x$.

Chọn đáp án **D** ☐

Câu 10. Trong không gian $Oxyz$, điểm $M(1; -3; 2)$ thuộc mặt phẳng có phương trình nào sau đây?

- A** $x - 2y - z + 1 = 0$. **B** $2x + y - z + 3 = 0$. **C** $2x + y - z + 4 = 0$. **D** $3x - y + z - 2 = 0$.

Lời giải.

Thay toạ độ điểm $M(1; -3; 2)$ lần lượt vào các mặt phẳng ta được

- ☒ $3 \cdot 1 - 1 \cdot (-3) + 1 \cdot 2 - 2 \neq 0$. Do đó M không thuộc mặt phẳng $2x + y - z + 3 = 0$.
- ☒ $2 \cdot 1 + 1 \cdot (-3) - 1 \cdot 2 + 4 \neq 0$. Do đó M không thuộc mặt phẳng $2x + y - z + 4 = 0$.

☑ $1 \cdot 1 - 2 \cdot (-3) - 1 \cdot 2 + 1 \neq 0$. Do đó M không thuộc mặt phẳng $x - 2y - z + 1 = 0$.

☑ $2 \cdot 1 + 1 \cdot (-3) - 1 \cdot 2 + 3 = 0$. Do đó M thuộc mặt phẳng $2x + y - z + 3 = 0$.

Chọn đáp án **B** □

Câu 11. Trong không gian $Oxyz$, đường thẳng d :
$$\begin{cases} x = -1 + 2t \\ y = 2 - t \\ z = 3t \end{cases}$$
 có một véc-tơ chỉ phương là

- Ⓐ $\vec{u}_1 = (2; 1; 3)$. Ⓑ $\vec{u}_2 = (-1; 2; 0)$. Ⓒ $\vec{u}_4 = (2; -1; 3)$. Ⓓ $\vec{u}_3 = (-1; 2; 3)$.

📖 **Lời giải.**

Đường thẳng d có một véc-tơ chỉ phương là $\vec{u}_4 = (2; -1; 3)$.

Chọn đáp án **C** □

Câu 12. Mặt cầu $3x^2 + 3y^2 + 3z^2 - 6x + 12y + 2 = 0$ có bán kính bằng

- Ⓐ $R = \frac{\sqrt{7}}{3}$. Ⓑ $R = \frac{\sqrt{21}}{3}$. Ⓒ $R = \sqrt{\frac{13}{3}}$. Ⓓ $R = \frac{2\sqrt{7}}{3}$.

📖 **Lời giải.**

Biến đổi $3x^2 + 3y^2 + 3z^2 - 6x + 12y + 2 = 0 \Leftrightarrow x^2 + y^2 + z^2 - 2x + 4y + \frac{2}{3} = 0$ có tâm $I(1; -2; 0)$

và bán kính $R = \sqrt{1^2 + (-2)^2 + 0^2 - \frac{2}{3}} = \sqrt{\frac{13}{3}}$.

Chọn đáp án **C** □

PHẦN II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu hỏi, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho hàm số $y = \frac{2x^2 - x + 1}{x - 3}$ có đồ thị (C). Xét tính đúng, sai của các khẳng định sau:

- a) Hàm số nghịch biến trên khoảng $(3 - 2\sqrt{2}; 3 + 2\sqrt{2})$.
 b) Phương trình đường tiệm cận xiên của đồ thị (C) là $y = 4x - 1$.
 c) Đồ thị (C) cắt trục tung tại điểm có tọa độ $(0; -\frac{1}{3})$.
 d) Giao điểm của 2 đường tiệm cận là điểm $(3; 11)$.

📖 **Lời giải.**

Ta có $y = \frac{2x^2 - x + 1}{x - 3} = 2x + 5 + \frac{16}{x - 3}$.

Suy ra $y' = 2 - \frac{16}{(x - 3)^2} = \frac{2x^2 - 12x + 2}{(x - 3)^2}$, $\forall x \neq 3$.

Do đó $y' < 0 \Leftrightarrow x \in (3 - 2\sqrt{2}; 3 + 2\sqrt{2}) \setminus \{3\}$.

- a) **Sai** vì hàm số nghịch biến trên các khoảng $(3 - 2\sqrt{2}; 3)$ và $(3; 3 + 2\sqrt{2})$.
 b) **Sai** vì đường tiệm cận xiên của đồ thị (C) có phương trình $y = 2x + 5$.

c) **Đúng**

Thay $x = 0$ vào hàm số, ta được $y = -\frac{1}{3}$ nên đồ thị (C) cắt trục tung tại điểm có tọa độ $(0; -\frac{1}{3})$.

d) **Đúng**

Đồ thị (C) có đường tiệm cận xiên $y = 2x + 5$ và đường tiệm cận đứng $x = 3$ nên giao điểm của 2 đường tiệm cận có tọa độ là (3;11).

Chọn đáp án ☐ a sai ☐ b sai ☒ c đúng ☐ d đúng

Câu 2. Cho $F(x) = mx^3 + (3m + 2)x^2 - 4x + 3$ là một nguyên hàm của $f(x) = 3x^2 + 10x - 4$.

- a) Để hàm số $F(x)$ là một nguyên hàm của hàm số $f(x)$ thì $m = 1$.
- b) Phương trình $F(x) = -4$ có ba nghiệm phân biệt.
- c) Một nguyên hàm của $f(x)$ là $x^3 + 10x^2 - 4$.
- d) Hai hàm số $F(x)$ và $f(x)$ đều có nguyên hàm với mọi giá trị của m .

Lời giải.

a) **Đúng.**

Ta có $F'(x) = 3mx^2 + 2(3m + 2)x - 4$.

Để $F(x)$ là một nguyên hàm của $f(x)$ thì $F'(x) = f(x)$

$$\Rightarrow \begin{cases} 3m = 3 \\ 2(3m + 2) = 10 \\ -4 = -4 \end{cases} \Leftrightarrow m = 1.$$

- b) Sai. Phương trình $F(x) = -4 \Leftrightarrow x^3 + 5x^2 = 0 \Leftrightarrow x = 0$ hoặc $x = -5$. Do đó phương trình $F(x) = -4$ chỉ có hai nghiệm.
- c) Sai. Nguyên hàm của $f(x)$ là $x^3 + 5x^2 - 4x + C$.
- d) Đúng. Hai hàm số $F(x)$ và $f(x)$ là hai hàm đa thức nên đều có nguyên hàm với mọi giá trị của m .

Chọn đáp án ☒ a đúng ☐ b sai ☐ c sai ☐ d đúng

Câu 3. Trong không gian $Oxyz$, cho mặt cầu (S): $(x - 1)^2 + (y - 2)^2 + (z - 3)^2 = 1$ và điểm $A(2; 3; 4)$. Gọi M là điểm thuộc (S) sao cho đường thẳng AM tiếp xúc với (S).

- a) Tâm mặt cầu (S) là $I(1; 2; 3)$.
- b) Điểm A nằm trên mặt cầu (S).
- c) Mặt phẳng (P): $x + y + z - 5 = 0$ cắt mặt cầu (S) theo giao tuyến là một đường tròn có bán kính bằng $\frac{1}{\sqrt{3}}$.
- d) M thuộc mặt phẳng có phương trình là $x + y + z - 7 = 0$.

Lời giải.

Mặt cầu (S) có tâm $I(1; 2; 3)$ và bán kính $R = 1$.

a) Tâm mặt cầu (S) là $I(1; 2; 3)$.

b) Vì $AI = \sqrt{(2-1)^2 + (3-2)^2 + (4-3)^2} = \sqrt{3} > R$ nên A nằm ngoài mặt cầu (S).

c) Ta có $d(I, (P)) = \frac{|1+2+3-5|}{\sqrt{1^2+1^2+1^2}} = \frac{1}{\sqrt{3}}$.

Mặt phẳng (P): $x + y + z - 5 = 0$ cắt mặt cầu (S) theo giao tuyến là một đường tròn có bán kính $r = \sqrt{R^2 - d^2(I, (P))} = \frac{\sqrt{2}}{\sqrt{3}}$.

d) Giả sử $M(x; y; z)$. Ta có $\overrightarrow{AM} = (x-2; y-3; z-4)$, $\overrightarrow{IM} = (x-1; y-2; z-3)$. Lại có $M \in (S)$ suy ra $(x-1)^2 + (y-2)^2 + (z-3)^2 = 1$ (*).

Vì AM tiếp xúc với (S) nên

$$AM \perp IM \Leftrightarrow \overrightarrow{AM} \cdot \overrightarrow{IM} = 0$$

$$\Leftrightarrow (x-2)(x-1) + (y-3)(y-2) + (z-4)(z-3) = 0$$

$$\Leftrightarrow (x-1)^2 + (y-2)^2 + (z-3)^2 - (x-1) - (y-2) - (z-3) = 0.$$

$$\Leftrightarrow 1 - (x + y + z - 6) = 0 \text{ (Do(*))}$$

$$\Leftrightarrow x + y + z - 7 = 0.$$

Chọn đáp án ☐ a đúng ☐ b sai ☐ c sai ☐ d đúng □

Câu 4. Cho A và B là hai biến cố độc lập với $P(A) = 0,7$ và $P(B) = 0,4$. Xét tính đúng sai của các khẳng định sau:

a) $P(B|\overline{A}) = 0,4$.

b) $P(\overline{A}|B) = 0,3$.

c) $P(\overline{B}|\overline{A}) = 0,6$.

d) $P(A|B) = 0,6$.

 **Lời giải.**

a) \overline{A} và B độc lập nên $P(B|\overline{A}) = \frac{P(B) \cdot P(\overline{A})}{P(\overline{A})} = P(B) = 0,4$.

b) \overline{A} và B độc lập nên $P(\overline{A}|B) = \frac{P(B) \cdot P(\overline{A})}{P(B)} = P(\overline{A}) = 1 - P(A) = 0,3$.

c) \overline{A} và \overline{B} độc lập nên $P(\overline{B}|\overline{A}) = \frac{P(\overline{B}) \cdot P(\overline{A})}{P(\overline{A})} = P(\overline{B}) = 0,6$.

d) A và B độc lập nên $P(A|B) = \frac{P(A) \cdot P(B)}{P(B)} = P(A) = 0,7$.

Chọn đáp án ☐ a đúng ☐ b đúng ☐ c đúng ☐ d sai □

PHẦN III. TRẮC NGHIỆM TRẢ LỜI NGẮN. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Hai xạ thủ cùng bắn mỗi người một viên đạn vào bia. Xác suất bắn trúng bia của hai xạ thủ lần lượt là $\frac{1}{3}$ và $\frac{1}{4}$. Biết rằng việc bắn súng của hai xạ thủ là độc lập với nhau. Tính xác suất của biến cố cả hai xạ thủ đều bắn trúng bia? (Kết quả làm tròn đến hàng phần trăm)

 **Lời giải.**

Gọi A, B lần lượt là các biến cố “xạ thủ thứ nhất bắn trúng bia” và “xạ thủ thứ hai bắn trúng bia”. Khi đó A, B là hai biến cố độc lập. Áp dụng quy tắc nhân cho hai biến cố độc lập ta được:

Xác suất để cả hai xạ thủ đều bắn trúng bia là:

$$P(AB) = P(A) \cdot P(B) = \frac{1}{3} \cdot \frac{1}{4} = \frac{1}{12} \approx 0,08.$$

Câu 2. Ông A dự định sử dụng hết $6,5 \text{ m}^2$ kính để làm một bể cá bằng kính có dạng hình hộp chữ nhật không nắp, chiều dài gấp đôi chiều rộng (các mối ghép có kích thước không đáng kể). Bể cá có dung tích lớn nhất bằng bao nhiêu (kết quả làm tròn đến hàng phần trăm)?

Lời giải.

Giả sử bể cá có kích thước như hình vẽ.

$$\text{Ta có } 2x^2 + 2x \cdot h + 4x \cdot h = 6,5 \Leftrightarrow h = \frac{6,5 - 2x^2}{6x}.$$

$$\text{Do } h > 0, x > 0 \text{ nên } 6,5 - 2x^2 > 0 \Leftrightarrow 0 < x < \frac{\sqrt{13}}{2}.$$

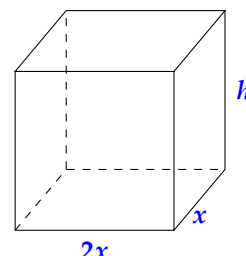
$$\text{Lại có } V = 2x^2h = \frac{6,5x - 2x^3}{3} = f(x).$$

$$\text{Với } f'(x) = \frac{13}{6} - 2x^2; f'(x) = 0 \Leftrightarrow x = \pm \frac{\sqrt{39}}{6}.$$

Bảng biến thiên

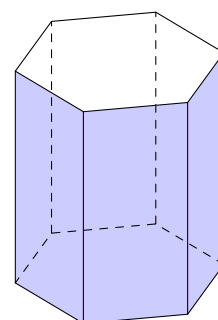
x	0	$\frac{\sqrt{39}}{6}$	$\frac{\sqrt{13}}{2}$
$f'(x)$	+	0	-
$f(x)$		$\frac{13\sqrt{39}}{54}$	

$$\text{Vậy } V \leq f\left(\frac{\sqrt{39}}{6}\right) = \frac{13\sqrt{39}}{54} \approx 1,50 \text{ m}^3.$$



Câu 3.

Một chiếc lồng đèn kéo quân có hình lăng trụ lục giác đều với cạnh đáy 8 cm. Biết tổng diện tích các mặt bên của chiếc lồng đèn này bằng 1536 cm^2 . Tính thể tích của chiếc lồng đèn đó, kết quả làm tròn đến hàng đơn vị.



Lời giải.

Gọi h là chiều cao của chiếc lồng đèn.

$$\text{Theo đề } 6 \cdot 8 \cdot h = 1536 \Rightarrow h = 32 \text{ cm}.$$

$$\text{Diện tích mặt đáy của chiếc lồng đèn là } S = 6 \cdot \frac{8^2\sqrt{3}}{4} = 96\sqrt{3} \text{ cm}^2.$$

$$\text{Thể tích của chiếc lồng đèn đó là } V = 96\sqrt{3} \cdot 32 \approx 5321 \text{ cm}^3.$$

Câu 4. Một giống cây xoan đào được trồng tại địa điểm A. Người ta thống kê đường kính thân của một số cây xoan đào 5 năm tuổi ở bảng sau:

Đường kính (cm)	[30;32)	[32;34)	[34;36)	[36;38)	[38;40)
Số cây trồng ở địa điểm A	25	38	20	10	7

Độ lệch chuẩn của mẫu số liệu ghép nhóm trên bằng bao nhiêu? (kết quả làm tròn đến hàng phần trăm)

Lời giải.

Ta có bảng sau:

Đường kính (cm)	[30;32)	[32;34)	[34;36)	[36;38)	[38;40)
Giá trị đại diện	31	33	35	37	39
Số cây trồng ở địa điểm A	25	38	20	10	7

Cỡ mẫu: $n = 25 + 38 + 20 + 10 + 7 = 100$.

Đường kính trung bình của thân cây xoan đào trồng tại địa điểm A là

$$\bar{x} = \frac{25 \cdot 31 + 38 \cdot 33 + 20 \cdot 35 + 10 \cdot 37 + 7 \cdot 39}{100} = 33,72.$$

Phương sai của mẫu số liệu ghép nhóm về đường kính của thân cây xoan đào trồng tại địa điểm A là

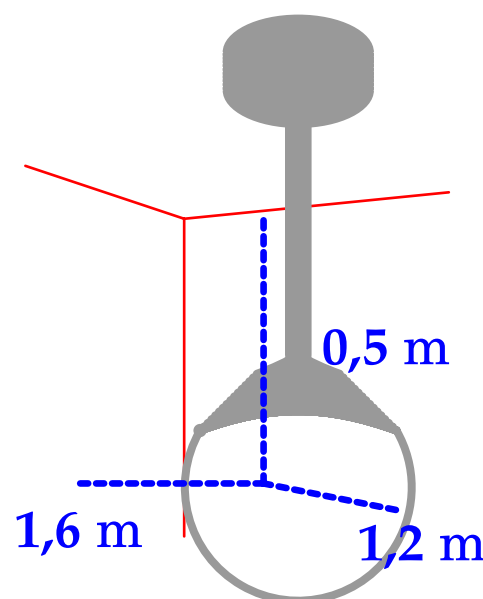
$$s^2 = \frac{1}{100} (25 \cdot 31^2 + 38 \cdot 33^2 + 20 \cdot 35^2 + 10 \cdot 37^2 + 7 \cdot 39^2) - (33,72)^2 \approx 5,4016.$$

Độ lệch chuẩn mẫu số liệu ghép nhóm về đường kính của thân cây xoan đào trồng tại địa điểm A là

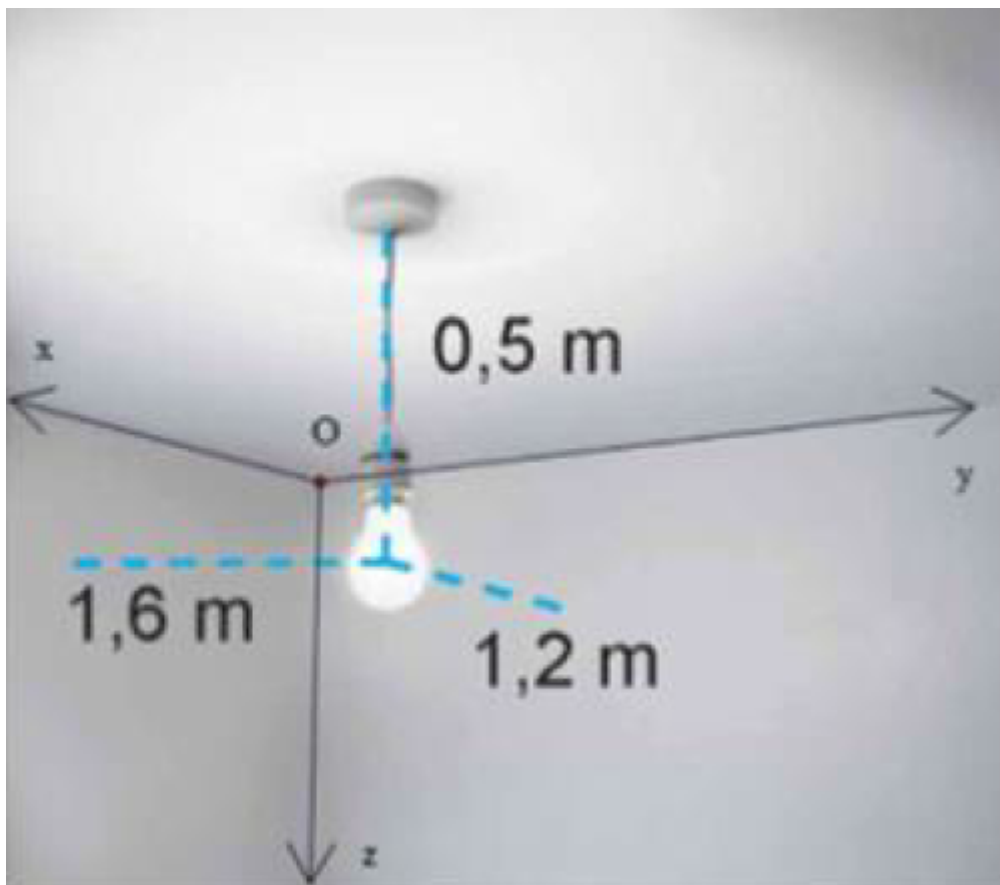
$$s = \sqrt{s^2} \approx \sqrt{5,4016} \approx 2,32.$$

Câu 5.

Hình bên minh họa một chiếc đèn được treo cách trần nhà là **0,5 m**, cách hai tường lần lượt là **1,2 m** và **1,6 m**. Hai bức tường vuông góc với nhau và cùng vuông góc với trần nhà. Người ta di chuyển chiếc đèn đó đến vị trí mới cách trần nhà là **0,4 m**, cách hai tường đều là **1,5 m**. Vị trí mới của bóng đèn cách vị trí ban đầu là bao nhiêu mét? (Làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất).



Lời giải.



Chọn hệ tọa độ $Oxyz$ như hình vẽ.

Tọa độ bóng đèn lúc đầu là $A(1,2; 1,6; 0,5)$.

Tọa độ bóng đèn lúc sau là $B(1,5; 1,5; 0,4)$.

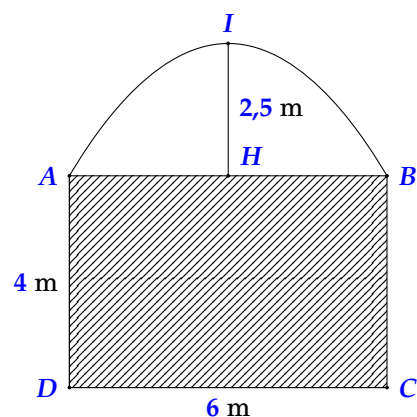
Có $\overrightarrow{AB} = (0,3; -0,1; -0,1)$.

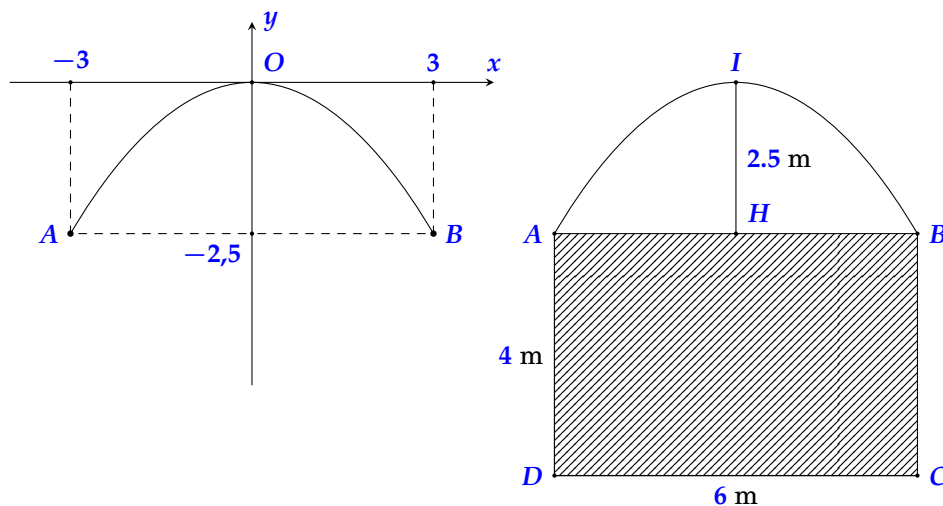
Khi đó $|\overrightarrow{AB}| = \sqrt{0,3^2 + (-0,1)^2 + (-0,1)^2} \approx 0,3$.

Vậy vị trí mới cách vị trí ban đầu của bóng đèn là $0,3$ m.

Câu 6.

Một gia đình muốn làm cánh cổng (như hình vẽ). Phần phía trên cổng có hình dạng là một parabol với $IH = 2,5$ m, phần phía dưới là một hình chữ nhật kích thước cạnh là $AD = 4$ m, $AB = 6$ m. Giả sử giá để làm phần cổng được tô màu là $1\,000\,000$ đồng/ m^2 và giá để làm phần cổng phía trên là $1\,200\,000$ đồng/ m^2 . Tính số tiền gia đình cần trả (làm tròn đến hàng triệu).





Diện tích hình chữ nhật $ABCD$ là $S_{ABCD} = 24 \text{ m}^2$.

Chọn hệ trục tọa độ như hình vẽ. Khi đó Parabol đi qua 3 điểm A, O, B có dạng $(P): y = ax^2$.

Mặt khác $B(3; -2,5) \in (P) \Rightarrow 9a = -2,5 \Leftrightarrow a = -\frac{5}{18}$.

Do đó $(P): y = -\frac{5x^2}{18}$.

Diện tích công hình Parabol là

$$S = \int_{-3}^3 \left[\left(-\frac{5x^2}{18} \right) - (-2,5) \right] dx = \left(-\frac{5x^3}{54} + \frac{5x}{2} \right) \Big|_{-3}^3 = 10.$$

Vậy tổng số tiền làm cống là $T = 24 \cdot 1\,000\,000 + 10 \cdot 1\,200\,000 = 36$ triệu đồng.